

Bản án số: 264/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1258/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường P, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đào Hoàng Mục T, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường G, Phường H, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 29/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Lê Hoàng L trình bày: Ông và bà Đào Hoàng Mục T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 48, quyển số: 01/2014, cấp ngày 21/3/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bà T ở địa chỉ số 6 đường G, Phường H, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự

thông cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã; cá nhân bà T không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, thường ỷ lại và dựa dẫm vào mẹ ruột, ít quan tâm, chăm sóc đến chồng con, trong cuộc sống hàng ngày của ông hầu như không có sự hiện diện của bà L dẫn đến vợ chồng không có sự hòa hợp, cảm xúc. Ông đã dọn về nhà mẹ ruột, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không có kết quả, phía bà T không thể thuận tình ly hôn do vấn đề tôn giáo. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Tú để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng Tú A – sinh ngày 24/9/2014. Ly hôn, ông L đồng ý giao con chung cho bà Đào Hoàng Mục T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn là bà Đào Hoàng Mục T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian và quá trình chung sống. Bà thừa nhận quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bà và ông L tiến đến hôn nhân khi cả hai đang học đại học năm thứ ba nên gia đình nhà ông L không đồng ý, đám cưới chỉ tổ chức bên gia đình bà và cho đến tận thời điểm hôm nay, bà và con vẫn chưa được gia đình ông L công khai mối quan hệ với bà con, hàng xóm dẫn đến giữa hai gia đình có sự mâu thuẫn tác động đến cuộc sống chung của bà và ông L rất nhiều. Ngoài ra, thời điểm đó do bà mới sinh con nhỏ cùng với áp lực kinh tế, sự tác động của hai bên gia đình, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn cảm xúc. Nay đối với yêu cầu ly hôn của ông L, bà không đồng ý vì bà muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà muốn ông L cùng với bà xây dựng lại hạnh phúc gia đình thể hiện bằng phương án: hai vợ chồng ra ngoài ở riêng, cả hai đã có công việc ổn định nên tự chủ về kinh tế không còn bị tác động của hai bên gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về phía bà, bà sẽ cố gắng sắp xếp vun vén làm tròn trách nhiệm của người mẹ, người vợ để có thể tạo dựng lại tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nếu sau khoảng thời gian 1 đến 1 năm rưỡi mà tình cảm vợ chồng không thể níu kéo thì lúc đó bà sẽ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng Tú A, sinh ngày 24/9/2014. Trong trường hợp ly hôn, bà T đồng ý nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng của ông L là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Hoàng L có đơn yêu cầu ly hôn với bà Đào Hoàng Mục T, do bà T cư trú tại quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/3/2018 của bà Đào Hoàng Mục T, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2014 thể hiện hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết cho đến tại phiên tòa, ông L cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T do ông không còn tình cảm, trong quan hệ vợ chồng không có sự hòa hợp, thiếu cảm xúc từ đó dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng nặng nề, mệt mỏi, không hạnh phúc. Phía bà T không đồng ý ly hôn và có đưa ra những phương án cũng như muốn có thêm một khoản thời gian để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tại đơn xin vắng mặt bà lại yêu cầu Tòa giải quyết theo yêu cầu của ông L và không có ý kiến gì khác.

Qua lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, gắn kết, cố gắng từ cả hai phía nhưng nếu chỉ có một bên thì vợ chồng không thể nào xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc. Hơn nữa, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ là không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

Về con chung: Hai bên khai nhận có 01 con chung tên Lê Hoàng Tú A, sinh ngày 24/9/2014. Xét, phía nguyên đơn yêu cầu giao con cho bị đơn, phía bị đơn đồng ý nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng nếu ly hôn và con chung hiện đang sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Lê Hoàng L :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Hoàng L được ly hôn với bà Đào Hoàng Mục T .

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Lê Hoàng Tú A , sinh ngày 24/9/2014.

Bà Đào Hoàng Mục T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Lê Hoàng L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 04/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Lê Hoàng L chịu, được căn trừ vào số tiền ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007483 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Hoàng L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo